TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG XƯƠNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 44/2023/HS-ST Ngày 04-8-2023	

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

- Tphần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Thuý

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa Thanhm gia phiên tòa: Bà Lê Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 42/2023/TLST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2023, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2023/QĐXXST-HS ngày 17/7/2023 đối với các bị cáo:

1. Lưu Văn H - Sinh năm 2003

Nơi cư trú: Thôn MĐ, xã QL, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Lưu Văn Minh và bà Lê Thị Bảy. Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị bắt tạm giam kể từ ngày 11/01/2023, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Quảng Xương.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

2. Lê Đ T - Sinh năm 1989

Nơi cư trú: Thôn MĐ, xã QL, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Lê Đ Huệ và bà Lê Thị OA. Vợ:

Trần Thị Hương. Con: có 3 con, con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị bắt tạm giam kể từ ngày 01/01/2023, chuyển tạm giam từ ngày 10/01/2023, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Quảng Xương.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

3. Phạm Văn S - Sinh năm 2003

Nơi cư trú: Thôn MĐ, xã QL, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Phạm Văn Hồng và bà Tô Thị Minh. Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị bắt tạm giam kể từ ngày 18/01/2023, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Quảng Xương.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

4. Phạm Văn A - Sinh năm 2002

Nơi cư trú: Thôn MĐ, xã QL, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Phạm Văn Hà và bà Phạm Thị Thường. Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị bắt tạm giam kể từ ngày 18/01/2023, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Quảng Xương.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

5. Trịnh Bùi Q - Sinh năm 2004

Nơi cư trú: Thôn MĐ, xã QL, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trịnh Bùi Quý và bà Phạm Thị Thơ. Vợ, con: Chưa có.

Bị cáo bị bắt tạm giam kể từ ngày 18/01/2023, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Quảng Xương.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

**** Bị hại:*** Trần Việt Q, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Thôn Mậu Tây, xã QL, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. (Vắng mặt).

**** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Lê Đ L, sinh năm 2003, địa chỉ: Thôn Mậu Tây, xã QL, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá. (Vắng mặt)

2. Lê Thị V, sinh năm 1972, địa chỉ: Thôn Mậu Tây, xã QL, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá. (Vắng mặt)

3. Lê Đ T, sinh năm 1993, địa chỉ: Thôn MĐ, xã QL, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá. (Vắng mặt)

4. Nguyễn Đắc Tuấn A, sinh năm 2003, địa chỉ: Thôn Hiền Đông, xã QL, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá. (Vắng mặt)

5. Lê Đ T, sinh năm 1986, địa chỉ: Thôn MĐ, xã QL, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá. (Vắng mặt)

6. Lê Ích T, sinh năm 2001, địa chỉ: Thôn Mậu Tây, xã QL, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá. (Vắng mặt)

7. Đàm Đ T, sinh năm 1986, địa chỉ: Thôn Bồi Nguyên, xã Quảng Hải, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá. (Vắng mặt)

8. Trịnh Bùi A, sinh năm 1997, địa chỉ: Thôn MĐ, xã QL, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá. (Vắng mặt)

9. Lê Đ Q, sinh năm 1992, địa chỉ: Thôn MĐ, xã QL, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 23 giờ 30 phút, ngày 31/12/2022, Lê Đ T, Phạm Văn A, Trịnh Bùi Q, Phạm Văn S đang cùng nhau uống rượu mừng tất niên tết dương lịch tại nhà T ở thôn MĐ, xã QL, Quảng Xương. Đến khoảng 00h30’ ngày 01/1/2023 thì S ra về trước còn T, H, Q và A tiếp tục ngồi uống rượu. Trong lúc uống rượu, H nhớ đến việc trước đây H và Lê Đ L (SN 2003 ở thôn Mậu Tây, xã QL, huyện Quảng Xương) có mâu thuẫn, cãi nhau về việc H nhắc L trả tiền nợ cho T nên H mượn điện thoại của Phạm Văn A gọi điện cho L để nói chuyện. Quá trình hai bên nói chuyện tiếp tục có mâu thuẫn cãi nhau nên H đe dọa đánh L và hẹn L đến cổng chào trên đường 4A ở thôn Mậu Tây, xã QL để nói chuyện và giải quyết mâu thuẫn. Sau đó H kể lại vụ việc với T, Q, A và rủ cả nhóm đi cùng H đến cổng chào thôn Mậu Tây để đánh L thì cả nhóm đồng ý. Do không có phương tiện để đi nên H gọi điện nhờ S mượn xe ô tô đến nhà T để đi công việc, S đồng ý và điều khiển xe ô tô Toyota Zace BKS 36B-0917 đến nhà T. Trước khi đi H xuống gian bế nhà T lấy 01 con dao dài 30cm cất vào trong người. Sau đó H, T, Q, A

lên xe ô tô do S điều khiển đi đến khu vực cổng chào thôn Mậu Tây, xã QL. Trên đường đi H và cả nhóm nói với S đi đến thôn Mậu Tây tìm đánh L, S đồng ý và tiếp tục điều khiển xe ô tô chở cả nhóm đi tìm L.

Đối với Lê Đ L, sau khi hẹn H, L rủ A Trần Việt Q SN1990 và Lê Đ Minh SN2000 (đều ở thôn Mậu Tây, xã QL, huyện Quảng Xương, là hàng xóm gần nhà L) nhờ đi cùng L đến gặp H dễ nói chuyện giải quyết mâu thuẫn; sau đó L, Q, Minh đi bộ đến gặp nhau tại cổng chào thôn Mậu Tây đứng chờ H.

Khoảng 01h00 cùng ngày, nhóm H đi đến Trạm biến áp trên đường bê tông, cách cổng chào thôn Mậu Tây khoảng 70m, là khu vực tập trung đông dân cư sinh sống, có điện đường và điện sáng của nhà dân chiếu sáng, thì thấy nhóm của L, H bảo S dừng xe lại, H và Q xuống xe đi bộ về phía nhóm L. Khi cách nhóm L khoảng 60-70m, H lấy dao từ trong người ra cầm trên tay hộ "đuổi theo bọn nó", Q, S, A, T nhìn thấy H cầm đao và hô lớn nên đồng ý cùng với H chạy về phía nhóm L để đánh nhau, Q chạy bộ theo H về phía L để đánh; S điều khiển xe ô tô chở T, A chạy theo H, Q mục đích để cùng đến đánh nhóm L. Nhìn thấy nhóm H lừa đuổi, sợ bị đánh nên L và Minh bỏ chạy theo đường bê tông về phía Tây còn Q đứng lại can ngăn và nói "tất niên vui vẻ, A em có gì nói chuyện sau". Tuy nhiên H, Q vẫn tiếp tục chạy bộ cùng với S điều khiển xe ô tô chở T, A vẫn tiếp tục đuổi theo hò hét, chửi bới, lùa theo L và Minh. Lúc này Minh chạy trốn ra hướng cánh đồng còn L chạy vào nhà dân rồi trèo lên nóc nhà trốn. Nhóm H cầm dao, hò hét, lùa đuổi theo L và Minh trên trục đường thôn Mậu Tây, xã QL khoảng 150m, khi đến trước nhà A Trần Bá Hải (SN1999 ở thôn Mậu Tây, xã QL, huyện Quảng Xương) thì dừng lại. Do nghĩ L và Minh chạy trốn vào nhà A Hải nên A xuống xe cùng với H và Q chạy vào nhà A Hải tìm đánh L nH không thấy nên Q tiếp tục đi tìm L, còn A và H quay ra đứng ngoài đường, lúc này S và T cũng xuống xe ô tô đứng cùng với A và H hò hét, chửi bới tìm L.

Lúc này do Q có quen biết với T nên Q đi bộ lại phía T và nói "A em có gì từ từ sắp xếp nói chuyện", nH do bực tức vì Q đi cùng nhóm với L, nghĩ Q sẽ Thanhm gia cùng nhóm L đánh mình và trước đó Q có hẹn sẽ đưa L đến gặp T giải quyết chuyện nợ tiền nH không đến nên T chửi bới và xông lại đánh Q, H dùng dao chém 02 phát vào lưng của Q rồi tiếp tục cùng với T, S và A dùng chân tay đánh Q. Lúc này Q đi tìm L nH không thấy nên quay lại phía đang đánh nhau nH không Thanhm gia đánh Q. Sau đó, cả nhóm giải tán đi về. Sau khi thấy nhóm T bỏ đi, A Q, L và Minh cũng đi về nhà, đồng thời A Q được người thân đưa đến Bệnh viện đa khoa huyện Quảng Xương điều trị thương tích.

Hậu quả: A Trần Việt Q bị thương tích:

- 01 (một) vết thương rách da chảy máu Kt(0,5 x 1)cm ở vùng sống mũi bên phải, vết thương nham nhở.

- 01 (một) vết thương rách da chảy máu Kt(0,5 x 2)cm ở vùng trán phía trên bên trái bờ mép vết thương nham nhở.

- 01 (một) vết thương rách da rớm máu Kt(0,5 x 15)cm ở vùng Tngực phía sau lưng bên trái.

- 01 (một) vết thương rách da chảy máu Kt(0,5 x 5)cm ở vùng Tngực sau bên trái bờ mết vết thương sắc gọn.

- 01 (một) vết thâm bầm tim, sưng phù nề Kt(2 x 2)cm ở vùng mi mắt trên bên trái.

- 01 (một) vết thương sưng phù nề, bầm tím Kt(1,5 x 1)cm ở vùng gò má trên bên phải.

A Trần Việt Q điều trị thương tích tại Bệnh viện đa khoa huyện Quảng Xương từ ngày 01/01/2023 đến ngày 03/01/2023. Sau đó A Q chuyển đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hoá điều trị thương tích từ ngày 03/01/2023 cho đến ngày 11/01/2023 thì xuất viện về nhà điều trị ngoại trú theo đơn thuốc của Bệnh viện.

Tại bản kết luận giám định số 03/2023/TgT ngày 31/01/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa kết luận:

- Chấn thương mắt phải và mắt trái đã được điều trị; hiện tại còn sưng nề, đau, xung huyết quA hốc mắt hai bên; thị lực mắt phải bằng 6/10, mắt trái bằng 6/10: 08%;

- Chấn thương, vết thương vùng sống mũi phải gây tổn thương gãy xương chính mũi; đã được điều trị; hiện tại còn di chứng hình ảnh gãy xương tháp mũi lệch phải, không ảnh hưởng đến chức năng thở: 07%;

- Sẹo thương phần mềm vùng mặt ngang mức cạnh sống mũi phải; kích thước sẹo nhỏ: 03%;

- Sẹo thương phần mềm vùng mặt ngang mức trán; kích thước sẹo nhỏ: 03%;

- Sẹo vết thương phần mềm vùng lưng trái phía dưới bờ dưới xương bả vai trái; kích thước sẹo lớn: 03%;

- Sẹo vết thương phần mềm vùng lưng trái ngang mức khoang liên sườn 9-10 phía sau bên trái; kích thước sẹo nhỏ: 01%;

- Các chấn thương, vết thương và tổn thương khác do chấn thương đã được điều trị; hiện tại không còn sẹo vết thương phần mềm, không để lại vết thương biến đổi rối loạn sắc tố da, không có di chứng tổn thương cơ quan chức năng do chấn thương: 0%.

Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với A Trần Việt Q là 23%.

Quá trình điều tra đủ cơ sở xác định, ngoài hành vi dùng ô tô, dao lùa đuổi, hò hét đánh nhau của Lưu Văn H, Lê Đ T, Trịnh Bùi Q, Phạm Văn A và Phạm Văn S gây mất trật tự công cộng thì H, T, A và S đã có hành vi dùng dao, tay, chân, chém, đánh vào người Trần Việt Q gây thương tích 23%. Mặc dù H, T, A và S không có bản bạc với nhau trước về việc đánh Q, tuy nhiên khi không đánh được L thì Trường quay sang đánh Q, lúc này H, A và S đã cùng xông lại giúp sức với T để đánh Q. Việc H mang theo dao đi để lùa đuổi đánh nhau thì T, S và A đã đồng ý và tiếp tục lùa đuổi tìm đánh L và đánh Q; nên H, T, S và A phải chịu trách nhiệm với vai trò đồng phạm với T đối với tổng tỷ lệ thương tích 23% của Trần Việt Q với tình tiết "dùng hung khí nguy hiểm".

Đối với Trịnh Bùi Q, chỉ đồng ý đi cùng nhóm với H để lùa đuổi, đánh nhau với L; Q không có mâu thuẫn gì với Q, khi H, T, S, A đánh Q thì Q không Thanhm gia cũng không có hành động gì giúp sức cho H, T, S và A đánh Q. Do đó hành vi của Q không đồng phạm với H, T, S và A về việc gây thương tích cho Q.

Đối với thương tích do các bị cáo T, H, A, S gây ra cho A Trần Việt Q, A Q đề nghị các bị cáo có trách nhiệm bồi thường các khoản tiền sau: Tiền bồi thường tổn hại sức khoẻ, thiệt hại thu nhập ngày công lao động của bản thân A Q, chi phí ngày công chăm sóc cho người thân của A Q và chi phí tiền thuốc trong quá trình A Q điều trị thương tích tại các Cơ sở y tế với tổng số tiền là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Quá trình điều tra, truy tố, A Q đã cung cấp các hóa đơn chứng từ điều trị tại bệnh viện tổng = 4.877.932đ (Bút lục 158, 160, 161, 162, 163).

Đối với chiếc xe ô tô BKS 36B-0917 mà S điều khiển đánh nhau, quá trình điều tra xác định đây là tô mượn A Lê Đ Tuấn (SN1987 thôn MĐ, xã QL, Quảng Xương), khi mượn xe để đi S chỉ nói đi công việc, A Tuấn không biết S điều đi đâu làm gì nên không đủ căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với Tuấn.

Trong quá trình điều tra mở rộng vụ án, Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Xương xác định bị cáo Lê Đ Trường còn có hành vi sử dụng tiền của cá nhân cho khách vay lãi suất 3.333đ/1triệu/1ngày đến 16.667đ/1triệu/1 ngày, tương đương mức lãi suất 121,6%/năm đến 608.3%/năm nhằm thu lợi bất chính, cụ thể:

(1) Ngày 15/02/2022, T cho Lê Đ L (SN 2003, ở thôn Mậu Tây, xã QL) vay 10.000.000đ, không ấn định ngày trả tiền gốc, với số tiền lãi là 1.400.000đ/1

tháng (4.667đ/1triệu/1ngày), tương đương mức lãi suất 170,3%/năm gấp 8,52 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự.

Tính từ ngày vay đến ngày 15/9/2022 (212 ngày), L đã trả cho T 07 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 9.800.000đ. Từ ngày 15/9/2022 trở đi, do L không trả tiền lãi đúng hẹn nên T nhờ Lưu Văn H tìm L yêu cầu L trả tiền lãi cho T. Sau đó, H gọi điện cho L yêu cầu trả tiền lãi cho T dẫn đến H và L xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Do L đang đi lao động tại TP.Hồ Chí Minh nên L nhờ chị Lê Thị V (mẹ L) trả số tiền gốc, tiền lãi cho T. Ngày 11/10/2022, chị V đã trả cho T 10.000.000đ tiền gốc L nợ và T thu thêm 5.000.000đ tiền nộp phạt chậm. Tổng số tiền lãi T đã thu trong khoản vay của L là 9.800.000đ, và tiền nộp phạt chậm là 5.000.000đ. Theo mức lãi suất tối đa quy định tại Điều 468 BLHS, số tiền lãi hợp pháp của khoản vay này là 1.161.644đ (số tiền lãi vượt quá quy định đã thu là 8.638.356đ). Tổng số tiền T thu lời bất chính trong khoản vay của L là 13.638.356đ. Đến thời điểm hiện tại L không còn nợ tiền T.

(2) Ngày 11/11/2022, T cho chị Lê Thị V (SN 1972 ở thôn Mậu Tây, xã QL, Quảng Xương, mẹ L) vay 10.000.000đ để trả tiền nợ cho L, không ấn định thời gian trả tiền gốc, với số tiền lãi là 1.500.000đ/1 tháng (5.000đ/1 triệu/1ngày), tương đương mức lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,13 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Tính từ ngày vay đến ngày 01/1/2023 (51 ngày), chị V đã trả cho T số tiền lãi là 3.000.000đ, chưa trả tiền gốc. Theo mức lãi suất tối đa quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, số tiền lãi hợp pháp đối với khoản vay của chị V là 279.452đ; số tiền T thu lợi bất chính là 2.720.548đ. Đến thời điểm hiện tại chị V còn nợ T 10.000.000đ tiền gốc, không nợ lãi.

(3) Ngày 17/1/2022, T cho A Lê Đ T(Sn 1993 ở thôn MĐ, xã Quản Lưu) vay 30.000.000đ, không ấn định ngày trả tiền nợ gốc, số tiền lãi là 3.000.000đ/1 tháng (3.333đ/1 triệu/ 1 ngày), tương đương mức lãi suất 121,6%/năm, gấp 6,08 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Hình sự. Đến ngày 17/02/2022, T cho A T vay thêm số tiền 10.000.000đ với thỏa thuận vay và lãi suất tương tự khoản vay trước. Đồng thời T và A Tthống nhất tổng số tiền gốc A Tvay là 40.000.000đ, hàng tháng A T phải trả số tiền lãi là 4.000.000đ cho đến khi trả hết tiền nợ gốc. Tính đến ngày 17/12/2022, A Tđã trả cho T tổng số tiền lãi của 02 khoản vay là 47.000.000đ và trả đủ cho T 40.000.000đ tiền gốc. Theo mức lãi suất tối đa quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, tổng số tiền lãi hợp pháp đối với 02 khoản vay của A Tlà 7.150.685đ; tổng số tiền T thu lợi bất chính đối với 02 khoản vay là 39.849.315đ. Đến thời điểm hiện tai Tkhông còn nợ tiền T.

(4) Ngày 02/02/2022, T cho A Nguyễn Đắc Tuấn A (Sn 2003 ở thôn Hiền Đông, xã QL, huyện Quảng Xương) vay 10.000.000đ, với tiền lãi là 1.200.000đ/1 tháng (4.000đ/1triệu/1ngày), tương đương mức lãi suất 146%/năm, gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Đến ngày 02/3/2022 (28 ngày), A Tuấn A đã trả đủ cho T 10.000.000đ tiền nợ gốc, 1.200.000đ tiền lãi và không còn nợ tiền T.

Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp đối với khoản vay của A Tuấn A là 153.425đ; số tiền T thu lời bất chính là 1.046.575đ.

(5) Ngày 07/3/2022, T cho A Lê Đ T (Sn1986 ở thôn MĐ, xã QL, huyện Quảng Xương) vay 20.000.000đ, không ấn định ngày trả tiền nợ gốc, với tiền lãi là 1.800.000đ/1 tháng (3.000đ/1 triệu/1 ngày). tương đương mức lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,48 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Đến ngày 30/12/2022 (298 ngày), A T đã trả cho T tổng số tiền lãi là 16.200.000đ và đã trả đủ cho T 20.000.000đ tiền gốc, A T không còn nợ tiền T. Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp đối với khoản vay của A T là 3.265.753đ; số tiền T thu lời bất chính là 12.934.247đ.

Ngoài khoản vay trên, ngày 17/6/2022 T còn cho A T vay số tiền 30.000.000đ trong thời hạn 03 ngày với số tiền lãi là 1.500.000đ (16.666đ/1triệu/1ngày), tương đương mức lãi suất 608,3%/năm, gấp 30,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Khi cho A T vay tiền, T cắt trước 1.500.000đ tiền lãi rồi đưa cho A T số tiền 28.500.000đ. Đến ngày 20/6/2022, A T đã trả đủ cho T 30.000.000đ và không phải trả thêm tiền lãi. Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp đối với khoản vay này của A T là 49.315đ; số tiền T thu lời bất chính là 1.450.685đ.

Tổng số tiền T cho A T vay là 50.000.000đ; tổng số tiền lãi hợp pháp hưởng đối với 02 khoản vay của A T là 3.315.068đ. Tổng số tiền T thu lợi bất chính đối với 02 khoản vay của A T là 14.384.932đ.

(6) Ngày 13/4/2022, T cho A Lê Ích T (Sn2001 ở thôn Mậu Tây, xã QL, huyện Quảng Xương) vay 10.000.000đ, không ấn định ngày trả tiền nợ gốc, số tiền lãi là 1.500.000đ/1 tháng (5.000đ/1triệu/1ngày) tương đương mức lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,13 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Tính từ ngày vay đến ngày 13/12/2022 (244 ngày), A T phải trả cho T 10.500.000đ tiền lãi (đã trả cho T 04 tháng là 6.000.000đ, còn nợ 03 tháng lãi là 4.500.000đ) và đã trả đủ cho T 10.000.000đ tiền gốc. Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp đối với khoản vay của A T là

1.336.986đ; tổng số tiền T thu lợi bất chính là 9.163.014đ; Số tiền thu lời bất chính thực tế đã thu là 5.161.644đ.

(7) Ngày 07/9/2022, T cho A Đàm Đ T (Sn1986 ở thôn Bồi Nguyên, xã Quảng Hải, huyện Quảng Xương) vay 20.000.000đ, không ấn định ngày trả tiền nợ gốc, với tiền lãi là 2.000.000đ/1 tháng (3.333đ/1triệu/1ngày), tương đương mức lãi suất 121,6%/năm, gấp 6,08 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Tính từ ngày vay đến ngày phát hiện 01/01/2023 (116 ngày), T phải trả cho T 7.667.000đ (đã trả cho Trường 03 tháng lãi là 6.000.000đ, còn nợ tiền lãi 25 ngày là 1.667.000d) và chưa trả tiền gốc. Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp đối với khoản vay của A T là 1.271.233đ; số tiền T thu lợi bất chính là 6.395.434đ; số tiền thu lời bất chính thực tế đã thu là 5.002.740đ.

(8) Ngày 09/02/2022, T cho A Trịnh Bùi A (Sn1997 ở thôn MĐ, xã QL, huyện Quảng Xương) vay 10.000.000đ, không ấn định ngày trả tiền nợ gốc, số tiền lãi là 1.000.000đ/1 tháng (3.333đ/1triệu/ngày). tương đương mức lãi suất 121,6%/năm, gấp 6,08 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Đến ngày 09/7/2022 (181 ngày) A A đã trả cho T 04 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 4.000.000đ và đã trả đủ cho T 10.000.000đ tiền nợ gốc. T và A thỏa thuận số tiền A còn nợ T là 02 tháng tiền lãi là 2.000.000đ, và A không phải trả thêm khoản tiền lãi nào khác cho đến khi nào A trả đủ số tiền lãi này cho T. Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp đối với khoản vay của A A là 991.781đ; tổng số tiền T thu lợi bất chính là 5.008.219đ; số tiền thu lời bất chính thực tế đã thu là 3.342.466đ.

(9) Ngày 28/5/2022, T cho A Lê Đ Q (Sn1992 ở thôn MĐ, xã QL, huyện Quảng Xương) vay 20.000.000đ, không ấn định ngày trả tiền nợ gốc, số tiền lãi là 3.000.000đ/1 tháng (5.000đ/1triệu/1ngày) tương dương mức lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,13 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Tính từ ngày vay đến ngày 26/11/2022 (182 ngày), A Q đã trả cho T tổng số tiền lãi là 18.000.000đ và đã trả đủ cho T 20.000.000đ tiền nợ gốc. Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp đối với khoản vay của A Q là 1.994.521đ; tổng số tiền T thu lợi bất chính là 16.005.479đ.

Tổng số tiền Lê Đ T cho A Lê Đ L, chị Lê Thị V, Lê Đ T, Nguyễn Đắc Tuấn A, Lê Đ T, Lê Ích T, Đàm Đ T, Trịnh Bùi A, Lê Đ Q vay là 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng), mức lãi suất cho vay từ 121,6%/năm đến 608.3%/năm, gấp từ 5,48 đến 30,4 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 BLDS. Tổng số tiền nhằm thu lời bất chính là 108.211.872đ. Trong đó số tiền lãi, tiền phạt thực tế T đã thu của các khách vay trên là 101.152.055đ. (Tiền lãi hợp pháp của các khoản vay là 17.654.795đ)

Quá trình điều tra, bị can khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị can phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác của vụ án.

Tại Bản cáo trạng số 45/Ctr-VKSQX ngày 14/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương truy tố các bị cáo:

- Lê Đ T về tội "Gây rối trật tự công cộng" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 BLHS, tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 2 Điều 201 BLHS và tội "Cố ý gây thương tích" quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS;

- Lưu Văn H, Phạm Văn S, Phạm Văn A về tội "Gây rối trật tự công cộng" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 BLHS và tội "Cố ý gây thương tích" quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS.

- Trịnh Bùi Q về tội "Gây rối trật tự công cộng" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 BLHS.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương giữ nguyên quyết định truy tố về tội dA như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 318; điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 55 BLHS đề nghị xử phạt Lưu Văn H từ 27 tháng đến 30 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng; 27 tháng đến 30 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là từ 54 tháng đến 60 tháng tù.

- Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 318; điểm đ khoản 2 Điều 134; khoản 2 Điều 201; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 55 BLHS. Xử phạt Lê Đ T từ 24 tháng đến 27 tháng tù về tội Gây rối TTCC; từ 24 tháng đến 27 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích; 06 tháng đến 08 tháng tù về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của ba tội là từ 54 tháng đến 62 tháng tù.

- Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 318; điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 55 BLHS đối với Phạm Văn A và Phạm Văn S; đề nghị xử phạt Phạm Văn A và Phạm Văn S, từ 24 tháng đến 27 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng; từ 24 tháng đến 27 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích. Tổng hợp hình phạt buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là từ 48 tháng đến 54 tháng tù.

- Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 BLHS đối với Trịnh Bùi Q, đề nghị xử phạt từ 24 tháng đến 27 tháng tù tội Gây rối trật tự công cộng nH cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 54 tháng.

- Về trách nhiệm dân sự: Trên cơ sở xem xét những chi phí điều trị (có hóa đơn chứng từ do A Q cung cấp), đề nghị chấp nhận những khoản chi phí hợp lý như sau:

+ Tiền chi phí điều trị tại bệnh viện và tiền thuốc theo đơn: 4.877.932đ.

+ Tiền công lao động trong 11 ngày nằm viện, 7 ngày nghỉ ngơi: 500.000 x 18 ngày = 9.000.000đ

+ Tiền công 1 người chăm sóc: 300.000đ x 18 ngày= 5.400.000đ.

Tổng chi phí điều trị là: 19.278.000đ

+ Ngoài ra T, H, A và S còn phải có trách nhiệm liên đới bồi thường một khoản tổn thất về tinh thần cho Q theo quy định của pháp luật từ 10 tháng đến 12 tháng lương tối thiểu. Hiện tại T, H, A và S đã liên đới bồi thường được cho Q 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Về các biện pháp tư pháp:

- Đối với số tiền gốc 140.000.000đ mà người vay đã trả cho T là tiền T sử dụng làm phương tiện phạm tội nên cần truy thu của T để sung công quỹ Nhà nước.

- Tiền lãi 16.547.945đ, là tiền lãi thu được tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự, tuy không bị tính xác định trách nhiệm hình sự nH là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần truy thu của Lê Đ T để sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền thu lời bất chính mà T đã thu của người vay cần buộc T phải trả lại số tiền trên cho những người vay.

- Đối với số tiền nợ gốc mà người vay chưa trả hết cho T (chị Lê Thị V còn nợ 10.000.000đ và A Đàm Đ T còn nợ 20.000.000đ) cần buộc chị V và L phải nộp lại số tiền nợ gốc trên để sung công quỹ Nhà nước.

Về vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A12 của Lê Đ T sử dụng chụp và lưu ảnh ghi dA sách khách vay tiền là công cụ thực hiện hành vi phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 201 BLHS xử phạt bị cáo Lê Đ T từ 35.000.000đ đến 40.000.000đ đối với tội "cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Phần trA luận: Các bị cáo không có ý kiến tự bào chữa và trA luận.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo nhận tội, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trA tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quảng Xương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục và tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt. Quá trình điều tra đều đã có lời khai, nội dung vụ án đã được làm rõ nên việc xét xử vắng mặt những người này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự là phù hợp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên toà, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Khoảng 23h30 ngày 01/01/2023, tại khu vực Cổng chào thôn Mậu Tây, xã QL, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, Lưu Văn H cầm dao, Phạm Văn S điều khiển ô tô cùng với Lê Đ T, Phạm Văn A, Trịnh Bùi Q lùa nhau, chửi bới, hò hét trên tuyến đường liên thôn giao nhau với đường tỉnh lộ 4A và chạy vào một số nhà dân, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã QL, gây náo loạn, bất an trong quần chúng nhân dân.

Quá trình lùa đuổi đánh nhau, Lưu Văn H dùng dao chém vào lưng Trần Việt Q, cùng lúc đó Lê Đ T, Phạm Văn A và Phạm Văn S cũng dùng tay chân đấm đá vào người Q gây thương tích cho Q 23% .

Quá trình mở rộng điều tra xác định, trong khoảng thời gian từ đầu năm 2022 đến tháng 01/2023, Lê Đ T đã sử dụng tiền của cá nhân cho 9 người trên địa bàn huyện Quảng Xương vay tiền với lãi suất từ 3.333đ/1triệu/1ngày đến 16.667đ/1triệu/1 ngày, tương đương mức lãi suất 121,6%/năm đến 608.3%/năm,

gấp từ 5,48 đến 30,4 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 BLDS, nhằm thu lợi bất chính **108.211.872đ.**

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

+ Lê Đ T phạm các tội "Gây rối trật tự công cộng" theo điểm b khoản 2 Điều 318 BLHS, tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS và tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 BLHS.

+ Lưu Văn H, Phạm Văn S, Phạm Văn A phạm các tội "Gây rối trật tự công cộng" theo điểm b khoản 2 Điều 318 BLHS và tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS.

+ Trịnh Bùi Q phạm tội "Gây rối trật tự công cộng" theo điểm b khoản 2 Điều 318 BLHS.

Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương và luận tội của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ pháp luật.

[3] Về tính chất và mức độ nghiêm trọng của tội phạm:

- *Đối với hành vi gây rối trật tự công cộng:* Việc cầm theo dao, điều khiển ô tô, lùa nhau, hò hét, chửi bới nhau trên đường liên thôn giao nhau với đường tỉnh lộ nơi có đông dân cư sinh sống và thời điểm đêm khuya đã xâm phạm đến tình trạng ổn định, có tổ chức, có kỷ luật ở khu dân cư; gây tâm lý hoang mang lo sợ cho người dân, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự khi xã QL đang trong quá trình xây dựng nông thôn mới nâng cao, ảnh hưởng xấu đến môi trường sản xuất kinh doA và thu hút đầu tư của xã cũng như huyện Quảng Xương.

- *Về hành vi Cố ý gây thương tích cho bị hại là A Trần Việt Q*: Vì mâu thuẫn cá nhân với Lê Đ L, và nhầm tưởng Trần Việt Q được L gọi đến để đến đánh nhau với các bị cáo nên các bị cáo T, H, S, A đã cố ý xâm phạm đến đến sức khỏe của A Q thương tích 23%.

- *Đối với hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Lê Đ T:* Đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự xã hội. Do đó cần được đưa ra xử nghiêm minh theo pháp luật hình sự.

[4] Xét vai trò của các bị cáo:

Đây là vụ án mang tính đồng phạm giản đơn.

Lưu Văn H là người khởi xướng rủ cả nhóm đi đánh nhau, mang theo dao lùa đuổi đánh nhau và trực tiếp dùng dao đánh gây thương tích cho A Q nên giữ vài trò thứ nhất trong vụ án Gây rối trật tự công cộng và Cố ý gây thương tích.

Lê Đ T, Phạm Văn S, Phạm Văn A khi được H Thanhm gia lùa đuổi đánh nhau, trực tiếp Thanhm gia đánh Q nên giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

Trịnh Bùi Q Thanhm gia lùa đuổi, hò hét đánh nhau nên giữ vai trò thứ hai trong vụ án Gây rối trật tự công cộng.

Ngoài ra **Lê Đ T** còn phải chịu trách nhiệm độc lập về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo:

Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ:

Các bị cáo đều Tkhẩn khai báo (điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS).

Các bị cáo H, T, S, A đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại trong vụ án Cố ý gây thương tích (điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS).

Bị cáo T và Q có ông bà nội là người có công với cách mạng và trong giai đoạn dịch covid19, các bị cáo và gia Đ đã tích cực Thanhm gia ủng hộ quỹ phòng chống covid cho mặt trận tổ quốc tại địa phương. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo Tcông dân tốt.

Căn cứ vào tính chất vụ án, các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của từng bị cáo, HĐXX xét thấy cần phân hoá mức hình phạt cụ thể đối với từng bị cáo. Bị cáo H phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác về cả hai tội "Cố ý gây thương tích" và tội "Gây rối trật tự công cộng". Các bị cáo T, S, A có vai trò ngang nhau thứ 2 trong về hành vi "Gây rối trật tự tự công cộng" nên chịu mức hình phạt ngang nhau, thấp hơn bị cáo H. Bị cáo T phải chịu trách nhiệm độc lập về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Các bị cáo phạm nhiều tội nên phải được tổng hợp hình phạt và buộc chấp hành hình phạt chung của nhiều tội.

Riêng đối với bị cáo Q, xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có vai trò sau trong vụ án, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú, lí lịch rõ ràng, chính quyền địa phương xác nhận ngoài lần phạm tội này, bị cáo luôn chấp hành tốt các quy định ở địa phương, lại chịu khó lao động. Xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo mà nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù thì không ảnh hưởng đến cuộc đấu trA phòng chống tội phạm. Vì vậy, xử phạt tù bị cáo nH cho hưởng án treo, cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền nơi cư trú cũng đủ sức giáo dục bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo Lê Đ T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", theo

quy định tại khoản 3 Điều 201 BLHS "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm". Vì vậy, cần áp dụng hình phạt tiền bổ sung tương ứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới đủ sức răn đe, đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật.

[6] Về xử lý vật chứng:

- 01 con dao bằng kim loại, dạng dao chặt xương, dài 37cm là dao mà Lưu Văn H sử dụng để chém Trần Việt Q là công cụ phương tiện phạm tội không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại oppo A12 màu xA dương là điện thoại của Lê Đ T sử dụng lưu ảnh và ghi dA sách khách vay tiền, là công cụ phương tiện phạm tội, cần tịch thu phát mại sung công quỹ.

[7] Về bồi thường dân sự:

Các bị cáo H, T, A, S gây thương tích cho A Q, vì vậy, các bị cáo phải bồi thường cho A Q theo quy định tại Điều 584, 590 BLDS. Và Điều 7 của Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 09 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. A Trần Việt Q phải điều trị tại bệnh viện đa khoa huyện Quảng Xương và bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hoá từ ngày 01/01/2023 đến ngày 11/01/2023 xuất viện. Theo giấy ra viện ngày 11/01/2023 xác định: Bệnh nhân ổn định ra viện, bác sĩ chỉ định bệnh nhân nghỉ ngơi 7 ngày. Như có cơ sở xác định A Q phải điều trị và nghỉ ngơi mất thu nhập 18 ngày.

Cụ thể có cơ sở chấp nhận:

1. Chi phí khám chữa bệnh tại bệnh viện và tiền thuốc có hoá đơn gồm:

Hoá đơn Thanh toán số phiếu NT0000053222 ngày 03/01/2023 = 980.000đ
Hoá đơn tiền thuốc số phiếu NT10000502660 ngày 04/01/2023 = 250.000đ
Hoá đơn bán hàng ký hiệu 2K23TQX ngày 03/01/2023 = 1.171.235đ
Bảng kê chi phí điều trị nội trú ngày 03/01/2023, ghi người bệnh trả: 395.339đ
Tổng chi phí điều trị và tiền thuốc có hoá đơn = 2.796.674đ.

2. Thu nhập thực tế bị mất: 500.000đ/ngày x 18 ngày = 9.000.000đ
3. Công người chăm sóc: 300.000đ/ngày x 18 ngày = 5.400.000đ
4. Tổn thất tinh thần = 10 tháng lương tối thiểu = 18.000.000đ

Tổng số tiền các bị cáo phải bồi thường cho A Q là: 35.196.674đ (Ba mươi lăm triệu một trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi tư đồng).

Sau khi xảy ra sự việc, các bị cáo đã liên đới bồi thường được 20.000.000đ. Số tiền còn lại là 15.196.674đ buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường tiếp cho A Trần Việt Q.

[7] Về các biện pháp tư pháp:

- Đối với các khoản tiền gốc 140.000.000đ mà người vay đã trả cho T là tiền T sử dụng làm phương tiện phạm tội nên cần truy thu của T để sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền lãi 16.547.945đ, là tiền lãi thu được tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự, tuy không bị tính xác định trách nhiệm hình sự nH là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần truy thu của Lê Đ T để sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền thu lời bất chính mà T đã thu của người vay cần buộc T phải trả lại số tiền trên cho những người vay.

- Đối với số tiền nợ gốc mà người vay chưa trả hết cho T (chị Lê Thị V còn nợ 10.000.000đ và A Đàm Đ T còn nợ 20.000.000đ) cần buộc chị V và L phải nộp lại số tiền nợ gốc trên để sung công quỹ Nhà nước.

[8] Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ:**

Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm đ khoản 2 Điều 134; khoản 2,3 Điều 201; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 55, Điều 58, Điều 17 của BLHS đối với Lê Đ T;

Điểm b khoản 2 Điều 318 BLHS; điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b,s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 55 BLHS, Điều 58 đối với Lưu Văn H, Phạm Văn S, Phạm Văn A.

Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 BLHS đối với Trịnh Bùi Q.

***Tuyên bố:**

Bị cáo Lưu Văn H, Phạm Văn S và Phạm Văn A phạm tội "Gây rối trật tự công cộng" và tội "Cố ý gây thương tích";

Bị cáo Lê Đ T phạm tội "Gây rối trật tự công cộng", tội "Cố ý gây thương tích" và tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự";

Bị cáo Trịnh Bùi Q phạm tội "Gây rối trật tự công cộng".

Xử phạt:

Lưu Văn H 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng" và 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "cố ý gây thương tích". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành 04 (bốn) năm 10 (mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/01/2023.

Lê Đ T 02 (hai) năm tù về tội "Gây rối trật tự công cộng"; 02 (hai) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích"; 06 (sáu) tháng tù về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/01/2023.

Phạm Văn S 02 (hai) năm tù về tội "Gây rối trật tự công cộng" và 02 (hai) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/01/2023.

Phạm Văn A 02 (hai) năm tù về tội "Gây rối trật tự công cộng và 02 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/01/2023.

Trịnh Bùi Q 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Q cho UBND xã QL, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo Thanhy đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 3 Điều 92; Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự.

Người được hưởng án treo có thể bị Tòa án buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo nếu trong thời gian thử thách mà cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên.

Trả tự do cho bị cáo tại phiên toà nếu không bị tạm giam trong vụ án khác.

Hình phạt bổ sung:

Căn cứ khoản 3 Điều 201 BLHS phạt bổ sung bị cáo Lê Đ T số tiền 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng) đối với tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" để sung quỹ nhà nước.

Về bồi thường dân sự:

Buộc các bị cáo H, T, S, A phải liên đới bồi thường cho Trần Việt Q số tiền 35.196.674đ (Ba mươi lăm triệu một trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi tư đồng). Các bị cáo đã bồi thường được 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Còn lại số tiền 15.196.674đ buộc các bị cáo phải bồi thường tiếp. Cụ thể:

Buộc bị cáo Lưu Văn H phải bồi thường thêm cho A Trần Việt Q số tiền 4.096.674đ (bốn triệu không chín mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi tư nghìn đồng).

Buộc bị cáo Lê Đ T phải bồi thường thêm cho A Trần Việt Q số tiền 3.700.000đ (ba triệu bảy trăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo Phạm Văn S phải bồi thường thêm cho A Trần Việt Q số tiền 3.700.000đ (ba triệu bảy trăm nghìn đồng).

Bị cáo Phạm Văn A phải bồi thường thêm cho A Trần Việt Q số tiền 3.700.000đ (ba triệu bảy trăm nghìn đồng).

Về các biện pháp tư pháp:

- Truy thu của Lê Đ T tổng số tiền 156.547.945đ để sung công quỹ Nhà nước (Gồm: tiền gốc cho vay là 140.000.000đ, tiền lãi theo quy định đã thu 16.547.945đ).

- Buộc chị Lê Thị V nộp lại số tiền 10.000.000đ là tiền nợ gốc chưa trả để sung quỹ nhà nước.

- Buộc A Đàm Đ T nộp lại số tiền 20.000.000đ tiền nợ gốc chưa trả để sung quỹ nhà nước.

- Buộc bị cáo Lê Đ T phải trả lại số tiền thu lời bất chính cho những người vay, cụ thể: Bị cáo phải trả lại cho Lê Đ L 13.638.356đ; Lê Thị V 2.720.548đ; Lê Đ T39.849.315đ; Nguyễn Đắc Tuấn A 1.046.575đ; Lê Đ T 14.384.932đ; Lê Ích T 5.161.644đ; Đàm Đ T 5.002.740đ; Trình Bùi A 3.342.000đ; Lê Đ Q 16.005.479đ.

Về vật chứng: Căn cứ điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu huỷ 01 con dao bằng kim loại dài 37cm, lưỡi dao dài 24cm, rộng 10cm, đầu lưỡi dao bằng, phần cán làm bằng gỗ dài 13cm.

Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước 01 điện thoại Oppo A12 đã cũ đã qua sử dụng.

Các vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Xương theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/8/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Quảng Xương và Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Xương.

Về án phí:

Buộc bị cáo Lưu Văn H, Lê Đ T, Phạm Văn A, Phạm Văn S mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự về bồi thường thiệt hại.

Buộc bị cáo Trịnh Bùi Q phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15

ngày tính từ ngày tuyên án. Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo đối với phần liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án , tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Quảng Xương;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- Công an huyện Quảng Xương;
- Chi cục THANHDS huyện Quảng Xương;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nv liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Huyền